

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HS-ST

Ngày 30/8/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Dũng và ông Cao Vũ Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phú - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2022/TLST-HS, ngày 15/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HS ngày 15/8/2022, đối với bị cáo:

- **Nguyễn Hữu N**, sinh ngày 1983; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hữu T và con bà Lê Thị T; có vợ Nguyễn Thị L; có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2021).

- Tiền án: + Ngày 11/02/2017, bị cáo đã bị Công an huyện G bắt quả tang về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tại Bản án số 37/2017/HSST ngày 15/6/2017, bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” của Bản án số 07/HSST ngày 04/02/2015 và bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Ngày 11/8/2017 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 11/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù.

+ Tại Bản án hình sự số 04/2020/HSST ngày 10/01/2020, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xử phạt 08 tháng tù về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, hình phạt bổ sung 10.000.000 đồng, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Ngày 01/11/2020, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành hình phạt bổ sung và án phí.

- Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 80 ngày 30/4/2022, bị cáo đã bị Công an huyện T, tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ với mức phạt tiền là 2.500.000 đồng. Đến nay bị cáo chưa nộp tiền phạt.

- Nhân thân: + Ngày 10/7/2007, bị cáo đã bị Công an huyện L, tỉnh Bg bắt bị cáo và lập DCB số 107 về việc Trộm cắp tài sản.

+ Tại Quyết định xử phạt hành chính ngày 15/10/2012, bị cáo đã bị Công an huyện G, tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 73/2002/ND-CP ngày 02/7/2002 của Chính phủ với mức tiền phạt là 150.000 đồng. Đến nay bị cáo chưa nộp tiền phạt.

+ Tại Quyết định xử phạt hành chính số 24 ngày 31/12/2013, bị cáo đã bị Công an huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 73/2002/ND-CP ngày 02/7/2002 của Chính phủ với mức tiền phạt là 1.500.000 đồng. Đến nay bị cáo chưa nộp tiền phạt.

+ Tại Bản án số 07/HSST ngày 04/02/2015, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Ngày 01/4/2015 bị cáo chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 03/5/2016 chấp hành xong hình phạt tù (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 03/6/2022 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam Nhà tạm giữ Công an huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

*** Bị hại:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; nơi cư trú : Xóm B, xã M, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 03/6/2022, Nguyễn Hữu N một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu FRIENDLY, màu nâu, BKS: 99F4-9508 đi từ nhà đến cánh đồng thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh B để tìm xem có tài sản nào của người dân để sơ hở thì trộm cắp. Khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, Nghi đi đến khu vực vườn ổi của gia đình bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 ở cùng thôn với bị cáo phát hiện thấy bên trong vườn có 01 xe rửa bằng sắt, máng hình mai rùa có hai chân bằng sắt, xe có một bánh bằng cao su màu đen ở trục giữa đáy máng, tay cầm của cào xe được

bọc cao su màu xanh. Vì vậy, N đỗ xe bên đường rồi đi bộ vào trong vườn, kéo chiếc xe rùa ra ngoài đường, nhấc lên xe mô tô. Sau đó, Nghi dùng tay trái giữ chiếc xe rùa, tay phải điều khiển xe mô tô đi đến nhà bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970, ở xóm B, xã M, huyện T, tỉnh B làm nghề thu mua phế liệu, bán chiếc xe rùa cho bà L với giá 90.000 đồng. Số tiền bán xe rùa có được N đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 03/6/2022, bà Nguyễn Thị H đã làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T. Cùng ngày, Nguyễn Hữu N đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú khai nhận hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu giữ của Nghi 01 xe mô tô nhãn hiệu FRIENDLY, màu nâu, BKS: 99F4-9508 để phục vụ công tác điều tra bị cáo đã.

Ngày 03/6/2022, bà Nguyễn Thị L đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe rùa có đặc điểm nêu trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 04/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Yêu cầu định giá tài sản số 113/YCĐG đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T định giá đối với 01 chiếc xe rùa bằng sắt có kích thước (1,4 x 0,6 x 0,6)m, máng hình mai rùa có hai chân bằng sắt, xe có một bánh bằng cao su màu đen ở trục giữa đáy máng, tay cầm của càng xe được bọc cao su màu xanh tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 03/6/2022.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 22/KL-HĐĐG ngày 05/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc xe rùa bằng sắt có kích thước (1,4 x 0,6 x 0,6)m, máng hình mai rùa có hai chân bằng sắt, xe có một bánh bằng cao su màu đen ở trục giữa đáy máng, tay cầm của càng xe được bọc cao su màu xanh, xe mua vào khoảng tháng 6/2021, xe sử dụng tốt, tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 03/6/2022 có giá trị là 200.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe rùa là tài sản bị cáo trộm cắp. Ngày 20/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho bà Nguyễn Thị H là phù hợp.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu FRIENDLY, màu nâu, BKS: 99F4-9508, Nghi sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của ông Lê Doãn S, sinh năm 1966 (ở cùng thôn với N). Chiếc xe trên ông S mua của ông Nguyễn Tiến V, sinh năm 1966, trú tại: Thôn Y, xã B, huyện Q, tỉnh B với giá 5.000.000 đồng vào khoảng đầu năm 2015 (có giấy tờ mua bán và đăng ký xe) nhưng trong quá trình sử dụng, ông S đã làm mất giấy tờ mua bán và đăng ký xe trên. Sáng ngày 03/6/2022, Ông S cho N mượn xe để làm phương tiện đi lại, ông S không biết Nghi sử dụng chiếc xe này để đi trộm cắp tài sản. Qua tra cứu xác định xe mô tô trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy

vật chứng. Vì vậy, ngày 20/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Thành đã trả lại chiếc xe trên cho ông Lê Doãn S là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Bà Nguyễn Thị L là người đã mua chiếc xe của bị cáo với giá 90.000 đồng. Bà Lánh không có yêu cầu gì về số tiền trên.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Hữu N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số: 61/CT-VKSTT, ngày 15/8/2022 của VKSND huyện Thuận Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa đã phân tích động cơ, mục đích, nhân thân, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên nội dung như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N từ 28 tháng đến 34 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với Luận tội của Đại diện VKS không có ý kiến gì.

Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù người bị hại là bà Nguyễn Thị H; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L đều vắng mặt tại phiên tòa.

Nhưng bà H và bà L đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu hợp lệ và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của bà H và bà L không ảnh hưởng gì đến nội dung vụ án nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H và bà L là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2]. Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Hữu N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng hơn 11 giờ ngày 03/6/2022, tại vườn ổi của gia đình bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960, trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh B, bị cáo Nguyễn Hữu N có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe rửa bằng sắt, có kích thước (1,4 x 0,6 x 0,6)m, máng hình mai rùa có hai chân bằng sắt, xe có một bánh bằng cao su màu đen ở trục giữa đáy máng, tay cầm của cang xe được bọc cao su màu xanh, rồi đem đi bán cho bà Nguyễn Thị L với giá 90.000 đồng. Theo kết luận định giá tài sản, tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 03/6/2022, chiếc xe rửa nêu trên có trị giá là 200.000 đồng. Xét thấy hành vi “Trộm cắp tài sản” ngày 30/4/2022 của bị cáo đã bị Công an huyện T, tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính, ngày 03/6/2022 bị cáo tiếp tục có hành vi “Trộm cắp tài sản” trị giá 200.000 đồng dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là tình tiết định tội đối với bị cáo nên hành vi trộm cắp lần này của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tại Bản án hình sự số: 04/2020/HSST ngày 10/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B, bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” và bị cáo chưa được xoá án tích. Do vậy, lần phạm tội này của bị cáo được áp dụng tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm nguy hiểm”. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, đúng như tội danh và điều luật mà Cáo trạng của VKSND huyện T đã truy tố.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới khách thể của tội phạm là quyền sở hữu tài sản được luật hình sự bảo vệ. Ngoài ra hành vi của bị cáo làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, đối với bị cáo cần xét xử nghiêm bằng chế tài hình sự mới có tác dụng phòng ngừa chung và giáo dục riêng bị cáo.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có 03 lần bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Đánh bạc” và nhiều lần bị các Cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính về các hành vi “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên bị cáo được xác định là người có nhân thân xấu.

Xét về các tình tiết tăng, nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Tại bản án hình sự số: 04/2020/HSST ngày 10/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm”, ngày 30/4/2022 của bị cáo có hành vi “Trộm cắp tài sản” đã bị Công an huyện T, tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính. Do hành vi “Trộm cắp tài sản” lần này của bị cáo có giá trị dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng

là cơ sở để định tội danh “Trộm cắp tài sản” của bị cáo và lần phạm tội này của bị cáo đã bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự nên bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; bản thân bị cáo nhận thức đầy đủ hành vi trộm cắp là trái pháp luật; bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về các tội danh khác và đã nhiều lần bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh cho bản thân, nhưng chỉ lười lao động để có tiền tiêu sài cá nhân nên bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần phải cách bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi vụ án bị phát hiện biết không thể trốn tránh được pháp luật bị cáo đã đến Cơ quan Điều tra Công an huyện T đầu thú và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; xét thấy, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

Liên quan trong vụ án:

Đối với bà Nguyễn Thị L là người đã mua chiếc xe rùa của bị cáo, nhưng bà Lánh không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xem xét xử lý là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với ông Lê Doãn S là người cho bị cáo mượn xe mô tô nhãn hiệu FRIENDLY, màu nâu, BKS: 99F4-9508. Quá trình điều tra xác định ông S không biết bị cáo mượn xe để sử dụng vào mục đích trộm cắp tài sản. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xem xét xử lý là phù hợp HĐXX không xem xét.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì đối với bị cáo nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về vật chứng của vụ án: Do tài sản bị cáo chiếm đoạt đã trả lại bị hại nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 28 (hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022. Tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Nguyễn Hữu N phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B.
- VKSND huyện T
- THADS huyện T.
- Trại tạm giam Công an tỉnh B
- Bị cáo.
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Xuân Hà

